

Số: 4315/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khen thưởng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Thi đua Khen thưởng số 39/2013/QH 13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về công tác Thi đua Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT ngày 31/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác Thi đua, Khen thưởng trong ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-MĐC ngày 05/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành “Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng”;

Xét đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua năm học 2016 - 2017 cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------------|--------------|
| 1. Tập thể Lao động tiên tiến: | 58 tập thể |
| 2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: | 141 cá nhân |
| 3. Lao động tiên tiến: | 353 cá nhân |
| 4. Giấy khen Hiệu trưởng: | |
| - Tập thể: | 08 tập thể; |
| - Cá nhân: | 103 cá nhân. |

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kinh phí lấy từ nguồn phí, lệ phí năm 2017 thưởng cho các tập thể, cá nhân được công nhận tại Điều 1 theo các mức như sau:

- | | |
|--------------------------------|-------------------------------|
| 1. Tập thể Lao động tiên tiến: | 800.000 đồng/tập thể |
| 2. Chiến sỹ thi đua cơ sở: | 1.000.000 đồng/cá nhân |
| 3. Lao động tiên tiến: | 300.000 đồng/cá nhân |
| 4. Giấy khen Hiệu trưởng: | 200.000 đồng/tập thể, cá nhân |

Tổng số tiền thưởng là: 315.500.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp, Trưởng phòng Tài vụ và các tập thể, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /: 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, TĐKT(8).



PGSTS Lê Hải An

BẢNG KÊ CHI TIỀN THƯỞNG

(Kèm theo Quyết định số 1315/QĐ-MĐC ngày 09 tháng 10 năm 2017)

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ				Tiền thưởng LĐTT				Tiền thưởng GK Hiệu trưởng				TT LĐTT	Cộng	Ký nhận	
1	Phòng Bảo vệ					2	x	300.000	=	600.000				-	600.000		
2	Phòng Công tác chính trị - TT	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000	3	x	200.000	600.000	800.000	4.300.000
3	Phòng Công tác Sinh viên					7	x	300.000	=	2.100.000	1	x	200.000	200.000	800.000	3.100.000	
4	Phòng Đào tạo Đại học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	1	x	300.000	=	300.000				800.000	2.100.000	
5	Phòng Đào tạo Sau đại học	1	x	1.000.000	=	1.000.000									800.000	1.800.000	
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000				800.000	4.600.000	
7	Phòng Khoa học, CN & HTQT	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000				800.000	2.400.000	
8	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD														800.000	800.000	
9	Phòng Quản trị - Thiết bị					1	x	300.000	=	300.000						300.000	
10	Phòng Tài vụ	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000	2	x	200.000	400.000		2.300.000
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000				800.000		3.700.000
12	Phòng Xuất bản					1	x	300.000	=	300.000						300.000	
13	Phòng Y tế					2	x	300.000	=	600.000						600.000	
14	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên					1	x	300.000	=	300.000						300.000	
15	Trung tâm NN - TH					2	x	300.000	=	600.000						600.000	
16	Trung tâm Phân tích, TNCNC															-	
17	Trung tâm Thông tin - TV					2	x	300.000	=	600.000						600.000	
18	Ban Quản lý các dự án					1	x	300.000	=	300.000						300.000	
19	Văn phòng Đảng ủy	2	x	1.000.000	=	2.000.000		x	300.000							2.000.000	
20	Văn phòng Đoàn Thanh niên	1	x	1.000.000	=	1.000.000		x	300.000							1.000.000	
21	Văn phòng CC tiên tiến					1	x	300.000	=	300.000						300.000	
22	Khoa Giáo dục quốc phòng													800.000	800.000		
	Bộ môn Đường lối quân sự	1	x	1.000.000	=	1.000.000	3	x	300.000	=	900.000				800.000	2.700.000	
	Kỹ thuật quân sự					4	x	300.000	=	1.200.000					800.000	2.000.000	
23	Khoa Khoa học cơ bản													800.000	800.000		
	Văn phòng khoa																
	Bộ môn Toán	1	x	1.000.000	=	1.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	2	x	200.000	400.000	800.000	4.900.000
	Bộ môn Vật lý	4	x	1.000.000	=	4.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	1	x	200.000	200.000	800.000	7.700.000
	Bộ môn Hoá học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	15	x	300.000	=	4.500.000	2	x	200.000	400.000	800.000	6.700.000
	Bộ môn Hình học	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000				800.000	3.000.000	
	Bộ môn ngoại ngữ					6	x	300.000	=	1.800.000	3	x	200.000	600.000		2.400.000	
	Bộ môn cơ lý thuyết					5	x	300.000	=	1.500.000				800.000		2.300.000	
	Bộ môn Giáo dục thể chất	1	x	1.000.000	=	1.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000	1	x	200.000	200.000		4.200.000
24	Khoa Trắc địa													800.000	800.000		
	Văn phòng khoa																
	Bộ môn Trắc địa CT	7	x	1.000.000	=	7.000.000	3	x	300.000	=	900.000				800.000	8.700.000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ				Tiền thưởng LĐTT				Tiền thưởng GK Hiệu trưởng				TT LĐTT	Cộng	Ký nhận			
25	Bộ môn Trắc địa cao cấp	3	x	1.000.000	=	3.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000					800.000	5.900.000		
	Bộ môn Trắc địa Mo	3	x	1.000.000	=	3.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000					800.000	5.900.000		
	Bộ môn Địa chính	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000	2	x	200.000		400.000	5.000.000		
	Bộ môn Bản đồ	2	x	1.000.000	=	2.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000		200.000	2.800.000		
	B/m Trắc địa PT và sai số	4	x	1.000.000	=	4.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000					800.000	6.600.000		
	Tổ máy Trắc địa																		
	Bộ môn đo ảnh và viễn thám	3	x	1.000.000	=	3.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000					800.000	6.500.000		
	Khoa Dầu Khí											1	x	200.000		200.000	800.000		1.000.000
	Văn phòng khoa DK																		
	Bộ môn TB Dầu khí và CT	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	1	x	200.000		200.000			2.400.000
26	Bộ môn Địa Vật lý	2	x	1.000.000	=	2.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000		200.000		2.800.000	
	Bộ môn Khoan khai thác	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000	2	x	200.000		400.000		3.300.000	
	Bộ môn Địa chất Dầu khí	2	x	1.000.000	=	2.000.000	1	x	300.000	=	300.000	1	x	200.000		200.000		2.500.000	
	Bộ môn Lọc hoá dầu	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000		200.000		4.800.000	
	Khoa Khoa học và KT Địa chất															800.000	800.000		
	VP khoa & bảo tàng						1	x	300.000	=	300.000						300.000		
	Bộ môn Khoáng thạch và ĐH						2	x	300.000	=	600.000						600.000		
	Bộ môn TK Thăm dò	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000					800.000	5.400.000		
	Bộ môn Khoáng sản						3	x	300.000	=	900.000						900.000		
	Bộ môn Địa chất	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000					800.000	3.700.000		
27	Bộ môn Địa chất Biển	1	x	1.000.000	=	1.000.000	1	x	300.000	=	300.000						1.300.000		
	Bộ môn Nguyên liệu khoáng						3	x	300.000	=	900.000						900.000		
	Bộ môn Địa chất thủy văn	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000					800.000	4.600.000		
	Bộ môn Địa chất Công trình	2	x	1.000.000	=	2.000.000	11	x	300.000	=	3.300.000					800.000	6.100.000		
	Khoa Môi trường																		
	VP khoa																		
	Bộ môn Địa sinh thái	4	x	1.000.000	=	4.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000	2	x	200.000		400.000	800.000	7.300.000	
	Bộ môn Môi trường cơ sở						8	x	300.000	=	2.400.000						2.400.000		
	Bộ môn Kỹ thuật môi trường	2	x	1.000.000	=	2.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000					800.000	4.300.000		
	28	Khoa Xây dựng															800.000	800.000	
VP khoa																	-		
Bộ môn XD CT ngầm & Mỏ		8	x	1.000.000	=	8.000.000	3	x	300.000	=	900.000					800.000	9.700.000		
Bộ môn Kỹ thuật xây dựng		4	x	1.000.000	=	4.000.000	1	x	300.000	=	300.000						4.300.000		
Bộ môn xây dựng HT cơ sở		1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000						1.600.000		
29	Khoa Mỏ															800.000	800.000		
	Bộ môn khai thác Hầm lò	4	x	1.000.000	=	4.000.000	12	x	300.000	=	3.600.000	5	x	200.000		1.000.000	800.000	9.400.000	
	Bộ môn khai thác lộ thiên	5	x	1.000.000	=	5.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000	5	x	200.000		1.000.000	800.000	8.900.000	
	Bộ môn sức bền vật liệu						2	x	300.000	=	600.000						600.000		
	Bộ môn Tuyển khoáng	3	x	1.000.000	=	3.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000	6	x	200.000		1.200.000	800.000	7.400.000	

TT	Đơn vị	Tiền thưởng CSTĐ				Tiền thưởng LĐTT				Tiền thưởng GK Hiệu trưởng				TT LĐTT	Cộng	Ký nhận	
30	Văn phòng khoa Mô																
	Khoa Cơ - Điện													800.000	800.000		
	Bộ môn Tự động hoá	4	x	1.000.000	=	4.000.000	7	x	300.000	=	2.100.000	7	x	200.000	1.400.000	800.000	8.300.000
	Bộ môn Máy và Thiết bị CN	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	4	x	200.000	800.000		3.000.000
	Bộ môn KT Điện-Điện tử						10	x	300.000	=	3.000.000	1	x	200.000	200.000	800.000	4.000.000
	Bộ môn KT cơ khí	2	x	1.000.000	=	2.000.000	6	x	300.000	=	1.800.000	6	x	200.000	1.200.000	800.000	5.800.000
	Bộ môn Điện khí hoá	5	x	1.000.000	=	5.000.000	9	x	300.000	=	2.700.000	10	x	200.000	2.000.000	800.000	10.500.000
	Xưởng cơ khí																
	VP Khoa																
31	Khoa Kinh tế & QTKD													800.000	800.000		
	VP Khoa																
	B/m QTDN Địa chất-DK	4	x	1.000.000	=	4.000.000	5	x	300.000	=	1.500.000	7	x	200.000	1.400.000	800.000	7.700.000
	B/m Quản trị DN Mô	2	x	1.000.000	=	2.000.000	10	x	300.000	=	3.000.000	7	x	200.000	1.400.000	800.000	7.200.000
	B/m Kinh tế cơ sở	1	x	1.000.000	=	1.000.000	8	x	300.000	=	2.400.000	8	x	200.000	1.600.000	800.000	5.800.000
	B/m Kế toán DN	5	x	1.000.000	=	5.000.000	13	x	300.000	=	3.900.000	15	x	200.000	3.000.000	800.000	12.700.000
32	Khoa Công Nghệ thông tin													800.000	800.000		
	VP Khoa+ PTN Địa tin học						2	x	300.000	=	600.000					600.000	
	Bộ môn Tin học Trắc địa	2	x	1.000.000	=	2.000.000	3	x	300.000	=	900.000					2.900.000	
	Bộ môn Tin học Kinh tế						7	x	300.000	=	2.100.000				800.000	2.900.000	
	Bộ môn tin học cơ bản						6	x	300.000	=	1.800.000				800.000	2.600.000	
	Bộ môn Tin học Mô	1	x	1.000.000	=	1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000				800.000	3.000.000	
	Bộ môn Tin học Địa chất						2	x	300.000	=	600.000					600.000	
	Bộ môn CN phần mềm	3	x	1.000.000	=	3.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000				800.000	5.000.000	
	Bộ môn Mạng và máy tính						6	x	300.000	=	1.800.000				800.000	2.600.000	
33	Khoa Lý luận chính trị													800.000	800.000		
	B/m Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	x	1.000.000		1.000.000	4	x	300.000	=	1.200.000	2	x	200.000	400.000	800.000	3.400.000
	B/m Đ lối CM của Đảng CSVN	4	x	1.000.000	=	4.000.000	1	x	300.000	=	300.000				800.000	5.100.000	
	B/m Pháp luật & VP Khoa	1	x	1.000.000	=	1.000.000	2	x	300.000	=	600.000	1	x	200.000	200.000	800.000	2.600.000
	B/m Nguyên lý CN Mác Lênin	4	x	1.000.000	=	4.000.000	2	x	300.000	=	600.000				800.000	5.400.000	
		141			141.000.000	353			105.900.000	111			22.200.000	46.400.000	315.500.000		

Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Dũng

Phòng Hành chính - Tổng hợp


Nguyễn Anh Dũng

Phòng Tài vụ


Ph. T. Hàm Thơm

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2017

Hiệu trưởng



DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐẠT DANH HIỆU THI ĐUA NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số: 1315/MĐC-TĐKT ngày 09 tháng 10 năm 2017)

Stt	Cá nhân/ Tập thể
I	Tập thể Lao động tiên tiến
1	Phòng Công tác sinh viên
2	Phòng Công tác CT - TT
3	Phòng Đào tạo Sau đại học
4	Phòng Đào tạo đại học
5	Phòng Hành chính - Tổng hợp
6	Phòng Khảo thí và ĐBCLGĐ
7	Phòng KH, CN và HTQT
8	Phòng Tổ chức - Cán bộ
9	Khoa Cơ - Điện
10	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
11	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
12	BM Kỹ thuật Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
13	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
14	Khoa Công nghệ thông tin
15	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
16	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
17	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
18	BM Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
19	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
20	Khoa Dầu khí
21	Khoa Khoa học cơ bản
22	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
23	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
24	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
25	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
26	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
27	Khoa Khoa học và KTĐC
28	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
29	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
30	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
31	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
32	Khoa Mỏ
33	BM Khai thác Lộ thiên, khoa Mỏ
34	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
35	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
36	BM Kỹ thuật môi trường, khoa Môi trường
37	BM Địa sinh thái và CNMT, khoa Môi trường
38	Khoa Lý luận chính trị
39	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
40	BM Đường lối CM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
41	BM Nguyên lý CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
42	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
43	Khoa Kinh tế & QTKD	
44	BM QTDN Mở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
45	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
46	BM QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
47	BM QTDN kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	
48	Khoa Trắc địa - Bản đồ & QLDD	
49	BM Trắc địa phổ thông và sai số, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
50	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
51	BM Trắc địa Mở, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
52	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
53	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	
54	Khoa Xây dựng	
55	BM Xây dựng CTN&Mở, khoa Xây dựng	
56	Khoa Giáo dục quốc phòng	
57	BM Đường lối quân sự, khoa Giáo dục quốc phòng	
58	BM Kỹ thuật quân sự, khoa Giáo dục quốc phòng	
II	Tập thể tặng Giấy khen Hiệu trưởng	
1	Khoa Dầu khí	
2	BM Địa chất dầu khí	
3	BM Địa vật lý	
4	BM Khoan - Khai thác	
5	BM Lọc - Hóa dầu	
6	BM Thiết bị DK và CT	
7	BM Giáo dục thể chất	
8	BM Kinh tế cơ sở	
III	Cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	
1	Hồ Việt Bun	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
2	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
3	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
4	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
5	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
6	Nguyễn Duy Chính	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
7	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
8	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
9	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
10	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
11	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
12	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
13	Lê Hồng Anh	BM Tin học Mở, khoa Công nghệ thông tin
14	Nguyễn Tuấn Anh	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Quang Khánh	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
16	Hoàng Anh Đức	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
17	Lê Văn Hưng	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
18	Nguyễn Thị Hữu Phương	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
19	Lê Ngọc Ánh	BM Địa chất dầu khí, khoa Dầu khí
20	Phạm Văn Tuấn	BM Địa chất dầu khí, khoa Dầu khí

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
21	Lê Hải An	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
22	Phan Thiên Hương	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
23	Lê Quang Duyên	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
24	Nguyễn Thế Vinh	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
25	Nguyễn Anh Dũng	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
26	Nguyễn Thị Linh	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
27	Phạm Xuân Núi	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
28	Công Ngọc Thắng	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
29	Triệu Hùng Trường	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
30	Nguyễn Văn Quảng	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
31	Thái Việt Hưng	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
32	Lê Thị Thanh Hằng	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
33	Công Tiến Dũng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
34	Nguyễn Thị Lan Hương	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
35	Vũ Bá Dũng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
36	Nguyễn Mạnh Hùng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
37	Dư Thị Xuân Thảo	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
38	Lê Đắc Tuyên	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
39	Trần Thanh Hải	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
40	Ngô Xuân Thành	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
41	Hoàng Văn Long	BM Địa chất biển, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
42	Bùi Trường Sơn	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
43	Lê Trọng Thắng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
44	Nguyễn Văn Lâm	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
45	Nguyễn Bách Thảo	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
46	Bùi Hoàng Bắc	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
47	Nguyễn Tiến Dũng	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
48	Khương Thế Hùng	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
49	Lương Quang Khang	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
50	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
51	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
52	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
53	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
54	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
55	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
56	Lê Đình Chiêu	BM QTDN Mô, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mô, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
58	Nguyễn Thị Kim Ngân	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
59	Phan Thị Thái	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
60	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
61	Đỗ Hữu Tùng	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
62	Nguyễn Thị Thúy Hà	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
63	Lê Quốc Hiệp	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
64	Nguyễn Thị Thu Hương	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
65	Đặng Thị Thanh Trâm	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
66	Trần Thị Lan Hương	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
67	Ngô Văn Hưởng	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
68	Nguyễn Thị Bích Lệ	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
69	Nguyễn Thị Phương	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
70	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị
71	Trần Thị Phúc An	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
72	Đặng Vũ Chí	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
73	Nguyễn Cao Khải	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
74	Nguyễn Văn Thịnh	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
75	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
76	Trần Quang Hiếu	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
77	Phạm Văn Hoà	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
78	Bùi Xuân Nam	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
79	Lê Quý Thảo	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
80	Nguyễn Anh Tuấn	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
81	Nhữ Thị Kim Dung	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
82	Phạm Văn Luận	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
83	Nguyễn Hoàng Sơn	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
84	Đỗ Văn Bình	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
85	Đỗ Thị Hải	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
86	Trần Thị Thu Hương	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
87	Nguyễn Quang Minh	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
88	Nguyễn Thị Hòa	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
89	Nguyễn Hoàng Nam	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
90	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
91	Bùi Ngọc Quý	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
92	Trần Thùy Dương	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
93	Phạm Thế Huynh	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
94	Trần Xuân Miến	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
95	Đinh Hải Nam	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
96	Trần Thanh Hà	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
97	Nguyễn Văn Trung	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
98	Trần Xuân Trường	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
99	Dương Vân Phong	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
100	Nguyễn Văn Sáng	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
101	Nguyễn Gia Trọng	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
102	Nguyễn Việt Hà	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
103	Đinh Thị Lệ Hà	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
104	Nguyễn Hà	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
105	Trần Khánh	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
106	Phạm Quốc Khánh	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
107	Nguyễn Quang Thắng	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
108	Lê Đức Tình	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
109	Lê Văn Cảnh	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
110	Nguyễn Quốc Long	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
111	Nguyễn Việt Nghĩa	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
112	Đinh Công Hòa	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
113	Nguyễn Quang Minh	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
114	Hoàng Thị Thủy	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
115	Lưu Anh Tuấn	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
116	Lê Tuấn Anh	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
117	Nguyễn Xuân Mẫn	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
118	Nguyễn Văn Mạnh	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
119	Đặng Văn Phi	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
120	Nguyễn Trọng Dũng	BM Xây dựng HTCS, khoa Xây dựng
121	Đỗ Ngọc Anh	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
122	Đào Văn Canh	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
123	Đào Viết Đoàn	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
124	Võ Trọng Hùng	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
125	Đặng Văn Kiên	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
126	Trần Tuấn Minh	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
127	Đặng Trung Thành	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
128	Nguyễn Tài Tiến	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
129	Nguyễn Kim Chung	Phòng Công tác CT - TT
130	Phạm Thị Thu Hường	Phòng Công tác CT - TT
131	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo đại học
132	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo sau đại học
133	Nguyễn Ngọc Dương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
134	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
135	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng KH, CN và HTQT
136	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ
137	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Phòng Tổ chức - Cán bộ
138	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
139	Đặng Thị Hằng Nga	Văn phòng Đảng ủy
140	Phạm Tổ Uyên	Văn phòng Đảng ủy
141	Nguyễn Thị Thu Thảo	VP Đoàn thanh niên
IV Cá nhân tặng Giấy khen Hiệu trưởng		
1	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
2	Nguyễn Xuân Nhi	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
3	Phạm Trung Sơn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
4	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
5	Lê Xuân Thành	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
6	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
7	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
8	Ngô Thanh Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
9	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
10	Đỗ Như Ý	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
11	Nguyễn Trường Giang	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
12	Nguyễn Duy Chính	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
13	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
14	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
15	Lê Quang Thịnh	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
16	Phạm Thị Thủy	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
17	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
18	Trần Việt Linh	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
19	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
20	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
21	Nguyễn Văn Xô	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
22	Đặng Văn Chí	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
23	Nguyễn Đức Khoát	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
24	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
25	Nguyễn Thế Lực	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
26	Khổng Cao Phong	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
27	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
28	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
29	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
30	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
31	Vũ Kim Thu	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
32	Dương Thúy Hương	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
33	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
34	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
35	Tô Văn Đình	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
36	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
37	Đào Việt Thắng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
38	Lưu Thị Thu Hà	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
39	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
40	Phạm Thị Hồng Hạnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
41	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
42	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
43	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
44	Nguyễn Duy Lạc	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
45	Dương Thị Nhân	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
46	Nguyễn Thị Kim Oanh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
47	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
48	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
49	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
50	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
51	Nguyễn Thị Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
52	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
53	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
54	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
55	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
56	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
58	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
59	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
60	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
61	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
62	Lê Đình Chiêu	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
63	Nguyễn Ngọc Khánh	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
64	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
65	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
66	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
67	Nguyễn Thu Hà	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
68	Nguyễn Thị Kim Ngân	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
69	Phan Thị Thái	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
70	Nguyễn Đức Thành	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
71	Nguyễn Thanh Thủy	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
72	Phạm Ngọc Tuấn	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
73	Đỗ Hữu Tùng	BM QTDN Địa chất-DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
74	Dương Thị Tuyết Nhung	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị
75	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
76	Lê Thị Yên	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
77	Đào Văn Chi	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
78	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
79	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
80	Vũ Trung Tiến	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
81	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
82	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
83	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
84	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
85	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
86	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
87	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
88	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
89	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
90	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
91	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
92	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
93	Đỗ Cao Cường	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
94	Phạm Khánh Huy	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
95	Trần Quỳnh An	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
96	Trần Xuân Miến	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
97	Đinh Hải Nam	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ
98	Nguyễn Thị Biên	Phòng Công tác CT - TT
99	Nguyễn Thị Kim Chung	Phòng Công tác CT - TT
100	Phạm Thị Thu Hường	Phòng Công tác CT - TT
101	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên
102	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ
103	Phạm Thị Thu Thủy	Phòng Tài vụ
V	Cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến	
1	Nguyễn Thị Bích Hậu	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
2	Bùi Thị Thu Hiền	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
3	Nguyễn Anh Nghĩa	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
4	Nguyễn Xuân Nhi	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
5	Bùi Đình Thanh	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
6	Đào Thị Thủy	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
7	Nguyễn Hanh Tiến	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
8	Nguyễn Duy Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
9	Lê Văn Tuấn	BM Điện khí hóa XN, khoa Cơ - Điện
10	Tổng Ngọc Anh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
11	Kim Thị Cẩm Ánh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
12	Hà Thị Chúc	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
13	Nguyễn Trường Giang	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
14	Phạm Công Hòa	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
15	Cung Quang Khang	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
16	Nguyễn Thạc Khánh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
17	Kim Ngọc Linh	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
18	Nguyễn Tiến Sĩ	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
19	Đinh Văn Thắng	BM KT Điện - Điện tử, khoa Cơ - Điện
20	Nguyễn Văn Lại	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
21	Phạm Đức Thiên	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
22	Lê Quang Thịnh	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
23	Nguyễn Phúc Trường	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
24	Nguyễn Sơn Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
25	Nguyễn Thanh Tùng	BM Kỹ thuật cơ khí, khoa Cơ - Điện
26	Nguyễn Thế Hoàng	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
27	Trần Viết Linh	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
28	Vũ Nam Ngạn	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
29	Vũ Ngọc Trà	BM Máy và TBCN, khoa Cơ - Điện
30	Phạm Thị Thanh Loan	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
31	Phạm Minh Hải	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
32	Đào Hiếu	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
33	Phan Thị Mai Phương	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
34	Phan Minh Tạo	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
35	Nguyễn Chí Tình	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
36	Uông Quang Tuyến	BM Tự động hóa XN M&DK, khoa Cơ - Điện
37	Đặng Xuân Điệp	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
38	Đỗ Như Hải	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
39	Diêm Công Hoàng	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
40	Phạm Đình Tân	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
41	Trần Thị Thu Thúy	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
42	Đào Thị Tuyết	BM Mạng máy tính, khoa Công nghệ thông tin
43	Trương Xuân Luận	BM Tin học Địa chất, khoa Công nghệ thông tin
44	Nguyễn Thị Hải Yến	BM Tin học Địa chất, khoa Công nghệ thông tin
45	Bùi Thị Vân Anh	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
46	Tạ Quang Chiêu	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
47	Phạm Đức Hậu	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
48	Trần Thị Như Hoa	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
49	Đặng Hữu Nghị	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin
50	Đặng Quốc Trung	BM Tin học Cơ bản, khoa Công nghệ thông tin

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
51	Nguyễn Thế Bình	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
52	Nguyễn Thu Hằng	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
53	Phạm Quang Hiến	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
54	Lê Thanh Huệ	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
55	Vũ Thị Kim Liên	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
56	Phạm Thị Nguyệt	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
57	Dương Thị Hiền Thanh	BM Tin học Kinh tế, khoa Công nghệ thông tin
58	Nguyễn Thị Phương Bắc	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
59	Nguyễn Thùy Dương	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
60	Đặng Văn Nam	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
61	Nông Thị Oanh	BM Tin học Mỏ, khoa Công nghệ thông tin
62	Trần Trung Chuyên	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
63	Nguyễn Thị Mai Dung	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
64	Nguyễn Trường Xuân	BM Tin học Trắc địa, khoa Công nghệ thông tin
65	Phạm Văn Đồng	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
66	Nguyễn Thị Thanh	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
67	Hồ Thị Thảo Trang	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
68	Phạm Thị Hải Vân	Công nghệ Phần mềm, khoa Công nghệ thông tin
69	Nguyễn Thị Loan	VPK Công nghệ thông tin
70	Nguyễn Đức Quân	VPK Công nghệ thông tin
71	Nguyễn Thị Minh Hồng	BM Địa chất dầu khí, khoa Dầu khí
72	Phan Thị Hồng	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
73	Phạm Ngọc Kiên	BM Địa vật lý, khoa Dầu khí
74	Trần Đình Kiên	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
75	Vũ Thiết Thạch	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
76	Nguyễn Trần Tuấn	BM Khoan - Khai thác, khoa Dầu khí
77	Tổng Thị Thanh Hương	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
78	Bùi Thị Lệ Thủy	BM Lọc - Hóa dầu, khoa Dầu khí
79	Hoàng Anh Dũng	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
80	Nguyễn Văn Giáp	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
81	Nguyễn Văn Thịnh	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
82	Lê Đức Vinh	BM Thiết bị DK và Công trình, khoa Dầu khí
83	Phạm Quốc Đảm	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
84	Trần Văn Độ	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
85	Hoàng Xuân Trường	BM Đường lối QS, khoa Giáo dục quốc phòng
86	Vũ Thanh Hà	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
87	Trần Thanh Hanh	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
88	Vũ Quang Hay	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
89	Nguyễn Văn Phong	BM Kỹ thuật QS, khoa Giáo dục quốc phòng
90	Phạm Ngọc Chung	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
91	Đinh Công Đạt	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
92	Trần Đình Sơn	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
93	Bùi Thị Thúy	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
94	Trần Thị Trâm	BM Cơ lý thuyết, khoa Khoa học cơ bản
95	Nguyễn Trường Đông	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
96	Chu Thị Hồng Hạnh	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
97	Lương Anh Hùng	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
98	Trần Lan Hương	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
99	Nguyễn Quang Huy	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
100	Lã Ngọc Linh	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
101	Lê Văn Nam	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
102	Nguyễn Huy Thông	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
103	Lê Việt Tuấn	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
104	Nguyễn Khắc Anh Vũ	BM Giáo dục thể chất, khoa Khoa học cơ bản
105	Trần Hồng Hải	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
106	Thạc Thu Hiền	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
107	Hoàng Văn Tài	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
108	Vũ Hữu Tuyên	BM Hình họa, khoa Khoa học cơ bản
109	Nguyễn Đình Độ	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
110	Phạm Tiến Dũng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
111	Lê Thị Duyên	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
112	Nguyễn Thu Hà	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
113	Đỗ Thị Hải	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
114	Võ Thị Hạnh	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
115	Nguyễn Thị Thu Hiền	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
116	Vũ Thị Minh Hồng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
117	Hà Mạnh Hùng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
118	Nguyễn Việt Hùng	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
119	Lê Thị Phương Thảo	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
120	Vũ Duy Thịnh	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
121	Nguyễn Thị Kim Thoa	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
122	Vũ Kim Thư	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
123	Lê Thị Vinh	BM Hóa, khoa Khoa học cơ bản
124	Nguyễn Thị Cúc	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
125	Nguyễn Thị Mai Hương	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
126	Dương Thúy Hường	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
127	Nguyễn Thị Thảo	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
128	Trương Thị Thanh Thủy	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
129	Nguyễn Hồng Vân	BM Ngoại ngữ, khoa Khoa học cơ bản
130	Phạm Tuấn Cường	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
131	Tô Văn Đình	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
132	Nguyễn Thị Hằng	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
133	Hoàng Ngự Huân	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
134	Đào Xuân Hưng	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
135	Nguyễn Thùy Linh	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
136	Nguyễn Minh Mẫn	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
137	Nguyễn Văn Ngọc	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
138	Nguyễn Trường Thanh	BM Toán, khoa Khoa học cơ bản
139	Hồ Quỳnh Anh	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
140	Trần Thị Hà	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
141	Đỗ Thị Hồng Hải	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
142	Nguyễn Thị Hậu	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
143	Đào Việt Thắng	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
144	Đinh Văn Thiên	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
145	Nguyễn Thị Diệu Thu	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
146	Phạm Thị Trang	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
147	Tổng Bá Tuấn	BM Vật lý, khoa Khoa học cơ bản
148	Phạm Thị Thanh Hiền	BM Nguyên liệu khoáng, khoa Khoa học và KTĐC
149	Nguyễn Thị Thanh Thảo	BM Nguyên liệu khoáng, khoa Khoa học và KTĐC
150	Tạ Thị Toán	BM Nguyên liệu khoáng, khoa Khoa học và KTĐC
151	Vũ Anh Đạo	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
152	Bùi Thị Thu Hiền	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
153	Nguyễn Quốc Hưng	BM Địa chất, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
154	Ngô Thị Kim Chi	BM Địa chất biển, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
155	Bùi Văn Bình	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
156	Dương Văn Bình	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
157	Nguyễn Ngọc Dũng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
158	Nhữ Việt Hà	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
159	Phạm Thị Ngọc Hà	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
160	Phùng Hữu Hải	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
161	Nguyễn Văn Hùng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
162	Vũ Thái Linh	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
163	Nguyễn Thị Nụ	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
164	Nguyễn Văn Phóng	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
165	Đỗ Minh Toàn	BM Địa chất công trình, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
166	Kiều Thị Vân Anh	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
167	Đào Đức Bằng	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
168	Vũ Thu Hiền	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
169	Dương Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
170	Nguyễn Thị Thanh Thủy	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
171	Trần Quang Tuấn	BM Địa chất thủy văn, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
172	Nguyễn Quang Luật	BM Khoáng Sản, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
173	Hoàng Thị Thoa	BM Khoáng Sản, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
174	Lê Thị Thu	BM Khoáng Sản, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
175	Nguyễn Khắc Giảng	BM KT - Địa hóa, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
176	Phạm Trường Sinh	BM KT - Địa hóa, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
177	Đỗ Mạnh An	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
178	Bùi Thanh Tịnh	BM Tìm kiếm thăm dò, khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất
179	Phan Thị Thùy Dương	VPK Khoa học và KTĐC
180	Nguyễn Thực Anh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
181	Phạm Minh Hải	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
182	Lê Thị Thu Hồng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
183	Nguyễn Tiến Hưng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
184	Phạm Thu Hương	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
185	Dương Thị Nhân	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
186	Nguyễn Thị Bích Phượng	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
187	Phan Minh Quang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
188	Vũ Ngọc Thịnh	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
189	Nguyễn Minh Thu	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
190	Phí Thị Kim Thư	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
191	Bùi Thị Thu Thủy	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
192	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kế toán DN, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
193	Nguyễn Thị Ngọc Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
194	Vũ Diệp Anh	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
195	Phí Mạnh Cường	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
196	Trần Anh Dũng	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
197	Vũ Thị Hiền	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
198	Nguyễn Thị Hồng Loan	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
199	Nguyễn Thanh Thảo	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
200	Phạm Thu Trang	BM Kinh tế cơ sở, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
201	Đồng Thị Bích	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
202	Lê Văn Chiến	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
203	Lê Thị Thu Hương	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
204	Nguyễn Thị Hương	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
205	Phan Thị Thùy Linh	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
206	Nguyễn Thị Hoài Nga	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
207	Nguyễn Đức Thắng	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
208	Nguyễn Văn Thường	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
209	Phạm Kiên Trung	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
210	Đào Anh Tuấn	BM QTDN Mỏ, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
211	Nguyễn Thu Hà	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
212	Nguyễn Đức Thành	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
213	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
214	Kim Mạnh Tuấn	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
215	Phạm Ngọc Tuấn	QTDN Địa chất - DK, khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
216	Nguyễn Tuấn Vương	BM ĐLCM của ĐCSVN, khoa Lý luận chính trị
217	Bùi Thị Thùy Dương	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
218	Phí Mạnh Phong	BM NL CN Mác-Lênin, khoa Lý luận chính trị
219	Nguyễn Bình Yên	BM Pháp luật, khoa Lý luận chính trị
220	Nguyễn Thị Kim Dung	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
221	Đỗ Thị Vân Hà	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
222	Nguyễn Văn Sơn	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
223	Lê Thị Yến	BM Tư Tưởng HCM, khoa Lý luận chính trị
224	Nguyễn Thu Hương	VPK Lý luận Chính trị
225	Đào Văn Chi	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
226	Lê Tiến Dũng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
227	Nguyễn Phi Hùng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
228	Đặng Quang Hưng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
229	Phạm Đức Hưng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
230	Đinh Thị Thanh Nhân	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
231	Lê Quang Phục	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
232	Nguyễn Văn Quang	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
233	Đỗ Anh Sơn	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
234	Trần Văn Thanh	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
235	Đặng Phương Thảo	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
236	Bùi Mạnh Tùng	BM Khai thác Hàm lò, khoa Mỏ
237	Nguyễn Đình An	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
238	Lê Thị Minh Hạnh	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
239	Vũ Đình Hiếu	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
240	Lê Thị Thu Hoa	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
241	Nguyễn Hoàng	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
242	Lê Văn Quyền	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
243	Phạm Văn Việt	BM Khai thác lộ thiên, khoa Mỏ
244	Trần Trung Thành	BM Sức bền vật liệu, khoa Mỏ
245	Bùi Thị Thuyết	BM Sức bền vật liệu, khoa Mỏ
246	Vũ Thị Chinh	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
247	Trần Văn Được	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
248	Phạm Hữu Giang	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
249	Lê Việt Hà	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
250	Phạm Thị Nhung	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
251	Nguyễn Ngọc Phú	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
252	Phùng Tiến Thuật	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
253	Trần Trung Tới	BM Tuyển khoáng, khoa Mỏ
254	Đỗ Cao Cường	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
255	Trần Hồng Hà	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
256	Trần Thị Kim Hà	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
257	Nguyễn Mai Hoa	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
258	Phạm Khánh Huy	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
259	Vũ Thị Phương Thảo	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
260	Trần Thị Thanh Thủy	BM Địa ST và CNMT, khoa Môi trường
261	Nguyễn Thị Hồng	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
262	Trần Thị Ngọc	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
263	Đào Trung Thành	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
264	Đào Đình Thuần	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
265	Phan Quang Văn	BM Kỹ thuật MT, khoa Môi trường
266	Vũ Thị Lan Anh	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
267	Nguyễn Văn Bình	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
268	Nguyễn Thị Cúc	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
269	Nguyễn Văn Dũng	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
270	Phan Thị Mai Hoa	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
271	Đỗ Văn Nhuận	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
272	Nguyễn Quốc Phi	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
273	Nguyễn Phương	BM Môi trường cơ sở, khoa Môi trường
274	Nguyễn Văn Lợi	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
275	Đỗ Thị Phương Thảo	BM Bản đồ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
276	Nguyễn Thế Công	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
277	Nguyễn Thị Kim Yến	BM Địa chính, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
278	Trần Trung Anh	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
279	Trần Vân Anh	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
280	Nguyễn Minh Hải	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
281	Phạm Thị Thanh Hòa	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
282	Lê Thanh Nghị	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
283	Đoàn Thị Nam Phương	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
284	Phạm Hà Thái	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
285	Lê Thu Trang	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
286	Trần Đình Trí	BM Đo ảnh - Viễn thám, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
287	Kim Thị Thu Hương	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
288	Nguyễn Văn Lâm	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
289	Phạm Ngọc Quang	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
290	Lê Minh Tá	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
291	Lê Thị Thanh Tâm	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
292	Trần Thị Thu Trang	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
293	Vũ Văn Trí	BM Trắc địa cao cấp, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
294	Hoàng Thị Minh Hương	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
295	Nguyễn Quang Phúc	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
296	Trần Viết Tuấn	BM Trắc địa công trình, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
297	Phạm Văn Chung	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
298	Cao Xuân Cường	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
299	Võ Ngọc Dũng	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
300	Lê Thị Thu Hà	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
301	Vương Trọng Kha	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
302	Phạm Công Khải	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
303	Phạm Thị Làn	BM Trắc địa Mỏ, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
304	Lê Ngọc Giang	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
305	Trương Minh Hùng	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
306	Nguyễn Thị Thu Hương	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
307	Đào Văn Khánh	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
308	Phạm Thanh Thạo	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
309	Dương Thành Trung	BM Trắc địa PT và SS, khoa Trắc địa - Bản đồ và QLDD
310	Phạm Thị Nhân	BM Kỹ thuật XD, khoa Xây dựng
311	Bùi Anh Thắng	BM Xây dựng HTCS, khoa Xây dựng
312	Tạ Đức Thịnh	BM Xây dựng HTCS, khoa Xây dựng
313	Ngô Doãn Hào	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
314	Nguyễn Duyên Phong	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
315	Phạm Thị Yên	BM XD CTN&Mỏ, khoa Xây dựng
316	Nguyễn Gia Khuê	Ban Quản lý các dự án
317	Hoàng Văn Sinh	Phòng Bảo vệ
318	Phạm Trường Sơn	Phòng Bảo vệ
319	Nguyễn Thị Biên	Phòng Công tác CT - TT
320	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng Công tác CT - TT
321	Hà Thị Hiến	Phòng Công tác CT - TT
322	Nguyễn Thu Hà	Phòng Công tác sinh viên
323	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác sinh viên
324	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác sinh viên
325	Nguyễn Thùy Linh	Phòng Công tác sinh viên
326	Chu Thị Thủy Nga	Phòng Công tác sinh viên

Stt	Cá nhân/ Tập thể	
327	Đào Thị Thom	Phòng Công tác sinh viên
328	Phan Thị Thúy	Phòng Công tác sinh viên
329	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo đại học
330	Nguyễn Thị Bắc	Phòng Hành chính - Tổng hợp
331	Lê Đức Cường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
332	Trịnh Thị Thanh Hòa	Phòng Hành chính - Tổng hợp
333	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
334	Hà Ngọc Trường	Phòng Hành chính - Tổng hợp
335	Bùi Huy Văn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
336	Phạm Đức Nghiệp	Phòng KH, CN và HTQT
337	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng KH, CN và HTQT
338	Huỳnh Thanh Tùng	Phòng Quản trị - Thiết bị
339	Phạm Thị Phương Chi	Phòng Tài vụ
340	Trương Thị Thanh Huyền	Phòng Tài vụ
341	Quách Thị Nhịp	Phòng Tài vụ
342	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
343	Vũ Duy Tấn	Phòng Tổ chức - Cán bộ
344	Phạm Xuân Thương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
345	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phòng Xuất bản
346	Đỗ Thúy Mai	Phòng Y tế
347	Bùi Thị Thanh Vân	Phòng Y tế
348	Phạm Quang Ba	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên
349	Hà Thùy Linh	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
350	Đỗ Thị Thanh Thủy	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
351	Nguyễn Hồng Trường	Trung tâm Thông tin - Thư viện
352	Nguyễn Thị Hải Yến	Trung tâm Thông tin - Thư viện
353	Vũ Thu Hường	VP Chương trình tiên tiến